

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 591/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Cơ yếu số ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11
năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà
nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính
phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành
của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng,
Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều
của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về
bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 1594/QĐ-BTTTT ngày 13 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy trình tạm thời tổ chức/vận
hành hệ thống Hội nghị truyền hình kết nối từ Chính phủ đến cấp xã;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 346/TTr-STTTT ngày 06 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy trình tạm thời tổ chức, vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, QTTV, NC-VX;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.




CHỦ TỊCH

Trần Thắng



QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hội trực tuyến: Là hình thức thiết lập phiên họp có sử dụng hệ thống thiết bị, công nghệ để truyền tải hình ảnh, âm thanh giữa các phòng họp tại các địa điểm khác nhau (các điểm cầu) thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh, mạng nội bộ tại các cơ quan, đơn vị hoặc mạng internet để những người ở vị trí địa lý khác nhau có thể cùng tham gia cuộc họp từ xa, mà ở đó họ có thể nghe, nói, nhìn thấy nhau như đang ở chung một phòng họp.

2. Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Hệ thống HNTT): Là hệ thống thiết bị thông tin phục vụ họp trực tuyến cho cơ quan, đơn vị, sử dụng hệ thống trung tâm điều khiển họp trực tuyến của tỉnh kết nối các điểm cầu qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Hệ thống HNTT được triển khai tập trung đến 03 cấp chính quyền trong tỉnh, gồm các thành phần điểm cầu:

a) Cấp tỉnh: Các điểm cầu tại Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (Sở TTTT).

b) Cấp huyện: Các điểm cầu tại Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện.

c) Cấp xã: Các điểm cầu tại UBND cấp xã.

3. Hệ thống trung tâm điều khiển họp trực tuyến hay Hệ thống điều khiển kết nối đa điểm (MCU - Multipoint Control Unit): Là hệ thống kỹ thuật, công

nghe được sử dụng để thiết lập các phiên họp trực tuyến và kết nối hình ảnh, âm thanh tương tác giữa các điểm cầu, do Sở TTTT vận hành tập trung và đặt tại Trung tâm Dữ liệu điện tử tỉnh tại Sở TTTT.

4. Thiết bị đầu cuối: Là thiết bị đầu cuối chuyên dụng (VCS-Video Conferencing System) hoặc thiết bị cá nhân (máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, ...) và các thiết bị ngoại vi phục vụ họp trực tuyến.

5. Điểm cầu: Là địa điểm đặt thiết bị đầu cuối để tổ chức họp trực tuyến của cơ quan, đơn vị.

6. Điểm cầu chủ trì: Là điểm cầu do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức phiên họp trực tuyến bố trí, thực hiện điều khiển phiên họp trực tuyến với sự tham gia các điểm cầu thành phần trên Hệ thống HNTT.

7. Điểm cầu thành phần: Là điểm cầu do cơ quan, đơn vị được mời tham dự họp bố trí, có quyền tương tác tham gia và dưới sự điều hành của điểm cầu chủ trì trên Hệ thống HNTT.

8. Đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống HNTT: Là Sở TTTT và doanh nghiệp cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng chịu trách nhiệm kỹ thuật quản trị, vận hành và hỗ trợ khai thác, sử dụng Hệ thống HNTT.

9. Cán bộ kỹ thuật điều khiển MCU: Là công chức, viên chức thuộc Sở TTTT và nhân sự của doanh nghiệp cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng được giao quản trị, điều khiển và hỗ trợ phiên họp trực tuyến.

10. Cán bộ quản lý, vận hành điểm cầu: Là công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị hoặc nhân sự của doanh nghiệp cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng được phân công quản lý, vận hành thiết bị đầu cuối và điều khiển phiên họp trực tuyến cho điểm cầu chủ trì.

11. Phòng họp trực tuyến: Là phòng họp tại các điểm cầu được bố trí tại trụ sở các cơ quan, đơn vị và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thiết bị, kết nối để phục vụ phiên họp trực tuyến.

Điều 4. Mục đích

1. Hệ thống HNTT sử dụng để phục vụ các phiên họp trực tuyến từ Chính phủ đến cấp xã, từ UBND tỉnh đến cấp xã, từ UBND cấp huyện đến cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Phục vụ các phiên họp trực tuyến theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc các cuộc họp chuyên ngành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành thuộc UBND tỉnh.

3. Trường hợp các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh có nhu cầu sử dụng Hệ thống HNTT để tổ chức các phiên họp trực tuyến với cấp huyện, cấp xã thì đăng ký với UBND tỉnh thông qua Sở TTTT.

4. Hình thức họp trực tuyến áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ





quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước và loại hình họp khác đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Hệ thống HNTT theo mô hình tập trung.
2. Khai thác, sử dụng Hệ thống HNTT đúng mục đích, quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan, đơn vị thông qua hình thức trực tuyến; bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Phân quyền điều khiển các phiên họp trực tuyến trên Hệ thống HNTT đến các điểm cầu cấp tỉnh, cấp huyện.
4. Tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công được đầu tư, trang bị phục vụ tổ chức họp trực tuyến đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC ĐIỀU KIỆN, THIẾT BỊ CƠ BẢN ĐỂ ĐẢM BẢO THIẾT LẬP HỆ THỐNG HỌP TRỰC TUYẾN

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật phòng họp trực tuyến

Các phòng họp trực tuyến cần bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

1. Bố trí các thiết bị đầu cuối đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và hướng dẫn của Sở TTTT.
2. Sử dụng đường truyền mạng số liệu chuyên dùng tỉnh Quảng Bình phục vụ họp trực tuyến theo quy định.
3. Vị trí lắp đặt màn hình, hệ thống âm thanh phù hợp, bảo đảm chất lượng âm thanh, hình ảnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
4. Tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, phòng, chống cháy, nổ theo quy định.
5. Đảm bảo nguồn điện áp ổn định tại phòng họp trực tuyến và có nguồn điện dự phòng.

Điều 7. Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin

1. Hệ thống HNTT đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

2. Sở TTTT chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng và an toàn thông tin đối với hệ thống điều khiển MCU và thiết bị đầu cuối; bảo đảm chất lượng và an toàn thông tin đối với mạng số liệu chuyên dùng của tỉnh theo quy định pháp luật.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn quản lý, sử dụng thiết bị Hệ thống HNTT của tỉnh có trách nhiệm:

a) Nghiêm túc tuân thủ các quy định về quản lý tài sản công, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống HNTT theo quy định; quản lý, sử dụng thiết bị Hệ thống HNTT theo hướng dẫn của Sở TTTT.

b) Không được tự ý thay đổi, cài đặt lại các thông số liên quan đến thiết bị đầu cuối khi chưa có sự đồng ý của Sở TTTT.

c) Tuân thủ tuyệt đối kịch bản phiên họp trực tuyến và điều hành từ điểm cầu chủ trì; thực hiện bảo mật thông tin và không phổ biến nội dung họp ra bên ngoài.

d) Quản lý chặt chẽ thiết bị kết nối giữ bí mật mật khẩu truy cập mạng được cấp phát để điều khiển phiên họp trực tuyến trên Hệ thống HNTT theo phân quyền khai thác, sử dụng.

Chương III

QUY TRÌNH TỔ CHỨC PHIÊN HỌP TRỰC TUYẾN

Điều 8. Đăng ký sử dụng Hệ thống HNTT

1. Các cuộc họp trực tuyến do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo thời gian, địa điểm, thành phần điểm cầu họp để Sở TTTT và đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống HNTT chuẩn bị các điều kiện phục vụ.

2. Đối với các cuộc họp trực tuyến theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc các cuộc họp chuyên ngành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành thuộc UBND tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về thời gian, địa điểm, điểm cầu chủ trì, điểm cầu thành phần tham dự họp cho Sở TTTT để chuẩn bị đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cần thiết phục vụ cuộc họp.

3. Đối với các cuộc họp trực tuyến do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh có nhu cầu sử dụng Hệ thống HNTT để tổ chức họp trực tuyến với cấp huyện, cấp xã; cơ quan, đơn vị chủ trì trước khi phát hành văn bản mời họp phải lấy ý kiến Sở TTTT về thời gian và phương án sử dụng phòng họp trực tuyến của UBND tỉnh tại Sở TTTT và đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Quy chế này, để tránh trường hợp trùng lặp các cuộc họp.

4. Các cuộc họp trực tuyến do UBND cấp huyện chủ trì:

a) Văn phòng UBND và UBND cấp huyện thực hiện đăng ký họp với Sở TTTT theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Quy chế này để sắp xếp, bố trí phiên họp trực tuyến và chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật họp trực tuyến.

b) Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện bố trí, phân công cán bộ kỹ thuật trực điều khiển điểm cầu chính theo phân quyền và hướng dẫn của Sở TTTT; trực vận hành, giám sát, kịp thời phối hợp cán bộ kỹ thuật điều khiển MCU của Sở TTTT và cán bộ trực vận hành các điểm cầu thành phần khắc phục sự cố (nếu có) trong quá trình tổ chức phiên họp trực tuyến.

5. Các cuộc họp trực tuyến do Chính phủ, các bộ, ngành chủ trì:

Cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng phòng họp trực tuyến và Hệ thống HNTT để tham gia các cuộc họp do Chính phủ, các bộ, ngành chủ trì, đăng ký sử dụng Hệ thống HNTT theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Quy chế này.

6. Trường hợp các cuộc họp đột xuất, khẩn cấp (phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh, hỏa hoạn, ...) áp dụng họp trực tuyến: Điểm cầu chủ trì sớm đăng ký họp trực tuyến với Sở TTTT để kịp thời sắp xếp, bố trí ưu tiên cuộc họp trực tuyến và chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật cho họp trực tuyến.

7. Kinh phí các cuộc họp thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Chuẩn bị tổ chức phiên họp trực tuyến

1. Căn cứ vào nội dung, quy mô, thành phần tham dự, điều kiện thiết bị kỹ thuật, đơn vị chủ trì cuộc họp quyết định hình thức tổ chức phiên họp trực tuyến bảo đảm hiệu quả, thuận lợi, tiết kiệm theo quy định.

2. Đăng ký lịch họp trực tuyến:

a) Điểm cầu chủ trì cuộc họp đăng ký lịch họp trực tuyến với Sở TTTT chậm nhất trước 24 giờ đối với cuộc họp thông thường và chậm nhất trước 06 giờ đối với cuộc họp đột xuất, khẩn cấp với các nội dung thông tin sau:

- Tên cơ quan chủ trì họp;
- Điểm cầu chính; danh sách các điểm cầu thành phần;
- Thời gian họp;
- Nội dung họp;
- Thông tin đầu mối liên hệ (họ và tên, số điện thoại);
- Hỗ trợ kỹ thuật khác (nếu có).

b) Sở Thông tin và Truyền thông

- Tiếp nhận và phản hồi kết quả đăng ký lịch họp trực tuyến trong vòng 04 giờ kể từ khi tiếp nhận đăng ký lịch họp trực tuyến.

- Thông báo và hướng dẫn, phối hợp điểm cầu chủ trì, các điểm thành phần và đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng tổ chức kiểm tra điều kiện kỹ thuật họp trực tuyến chậm nhất 04 giờ trước khi diễn ra phiên họp trực tuyến chính thức.

c) Điểm cầu chính và các điểm cầu thành phần:

Phân công, bố trí cán bộ trực điều khiển, vận hành điểm cầu; tổ chức kiểm tra thiết bị đầu cuối, đường truyền, kết nối với Hệ thống HNTT, đảm bảo nguồn

điện và nguồn điện dự phòng, hệ thống âm thanh, ánh sáng tại phòng họp trực tuyến; kịp thời phản ánh sự cố kỹ thuật về Sở TTTT và sự cố đường truyền mạng số liệu chuyên dùng về đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng để kịp thời khắc phục (nếu có).

Điều 10. Tổ chức phiên họp trực tuyến

1. Các cuộc họp trực tuyến do UBND tỉnh chủ trì, các cuộc họp trực tuyến theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các cuộc họp chuyên ngành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành thuộc UBND tỉnh hoặc các cuộc họp do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh có nhu cầu sử dụng Hệ thống HNTT để tổ chức họp trực tuyến với cấp huyện, cấp xã; Đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật hệ thống HNTT thực hiện điều khiển, vận hành điểm cầu chính.

2. Đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật hệ thống HNTT: Phân công cán bộ kỹ thuật trực điều khiển MCU; giám sát, kịp thời phối hợp cán bộ kỹ thuật đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng và cán bộ quản lý, trực điều khiển điểm cầu chính, điểm cầu thành phần khắc phục sự cố (nếu có) trong quá trình tổ chức phiên họp trực tuyến.

3. Đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phân công cán bộ kỹ thuật trực vận hành, giám sát, kịp thời phối hợp, khắc phục sự cố đường truyền, đảm bảo hoạt động thông suốt và ổn định trong quá trình tổ chức phiên họp trực tuyến.

4. Đối với cuộc họp trực tuyến do UBND cấp huyện chủ trì điểm cầu chính:

a) Bố trí, phân công cán bộ kỹ thuật quản lý, vận hành điểm cầu chính trực tiếp điều khiển kỹ thuật xuyên suốt phiên họp trực tuyến theo kịch bản phiên họp.

b) Tiếp nhận phản ánh, thông tin từ các điểm cầu thành phần để kịp thời điều khiển, điều chỉnh khung hình ảnh hiển thị, âm thanh diễn ra trong phiên họp và thông tin đăng ký phát biểu các điểm cầu thành phần.

c) Kịp thời phản ánh với cán bộ kỹ thuật điều khiển MCU tại Sở TTTT để được hỗ trợ, xử lý sự cố kỹ thuật trong trường hợp cần can thiệp vượt quyền điều khiển, vận hành kỹ thuật đã được phân cấp.

d) Kịp thời phản ánh với cán bộ kỹ thuật trực vận hành mạng truyền số liệu chuyên dùng để được hỗ trợ, xử lý sự cố kỹ thuật trong trường hợp chất lượng dịch vụ đường truyền suy giảm, gián đoạn tại các điểm cầu tham dự phiên họp.

5. Đối với cuộc họp trực tuyến UBND cấp huyện, UBND cấp xã là điểm cầu thành phần:

a) Bố trí, phân công cán bộ trực tiếp quản lý, trực điểm cầu thành phần kịp thời phối hợp điểm cầu chính thực hiện kiểm tra thiết bị, kết nối thiết lập phiên họp theo đề nghị của điểm cầu chính, điều chỉnh hình ảnh, âm thanh, ánh sáng tại phòng họp, phối hợp xử lý sự cố (nếu có) trong quá trình phiên họp trực tuyến diễn ra.

b) Cung cấp thông tin thành phần tham dự cho điểm cầu chính chủ trì phiên họp trực tuyến theo yêu cầu (nếu có).

c) Phối hợp cán bộ quản lý, vận hành điểm cầu chính khi phát sinh lỗi kết nối âm thanh, hình ảnh, đường truyền để được hỗ trợ; kịp thời báo cáo sự cố gián đoạn việc tham dự phiên họp của điểm cầu trong trường hợp không kịp khắc phục sự cố kỹ thuật.

Điều 11. Kết thúc phiên họp trực tuyến

1. Cán bộ kỹ thuật điều khiển MCU và cán bộ trực vận hành, điều khiển các điểm cầu tham dự phiên họp trực tuyến kiểm tra toàn bộ thiết bị Hệ thống HNTT, tắt thiết bị đầu cuối và ngắt nguồn điện cung cấp theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn thiết bị.

2. Các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu khai thác, sử dụng tư liệu, tài liệu điện tử liên quan phiên họp trực tuyến (không bao gồm tài liệu có nội dung bí mật nhà nước) liên hệ với cơ quan chủ trì điểm cầu chính để được cung cấp theo quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TỈNH QUẢNG BÌNH

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Hệ thống HNTT theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện quản trị, vận hành kỹ thuật hệ thống MCU đặt tại Trung tâm Dữ liệu điện tử tỉnh; phân quyền quản lý điều khiển hệ thống MCU cho UBND cấp huyện, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng Hệ thống HNTT.

3. Tiếp nhận đăng ký, sắp xếp, thông báo công khai lịch các phiên họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổ chức lưu trữ, bàn giao tư liệu ghi hình phiên họp trực tuyến theo yêu cầu (nếu có) và đảm bảo đúng quy định.

4. Tổng hợp, rà soát, cập nhật danh sách đầu mối cán bộ được phân công quản lý, vận hành điểm cầu của các cơ quan, đơn vị; tổ chức hướng dẫn, tập huấn kỹ năng vận hành, điều khiển phiên họp trực tuyến cho cán bộ kỹ thuật các điểm cầu.

5. Chủ trì, phối hợp đơn vị cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng tổ chức các phiên họp trực tuyến đảm bảo yêu cầu và an toàn, an ninh thông tin của Hệ thống HNTT theo quy định pháp luật.

6. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí nâng cấp, duy trì, bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống HNTT và kinh phí thuê dịch vụ đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở TTTT, các cơ quan, đơn vị liên quan và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cấp tỉnh và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật (nếu có) để thực hiện các nhiệm vụ nâng cấp, duy trì, bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống HNTT và kinh phí thuê dịch vụ đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo cho hoạt động của Hệ thống HNTT.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh

1. Thực hiện đúng trách nhiệm, yêu cầu về công tác quản lý, bảo quản thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin trong khai thác, sử dụng Hệ thống HNTT quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng hình thức hợp trực tuyến đối với các loại hình hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

3. Bố trí, phân công cán bộ trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng thiết bị Hệ thống HNTT tại điểm cầu hợp trực tuyến gồm: 01 lãnh đạo Văn phòng (hoặc tương đương), 01 cán bộ kỹ thuật để phối hợp trong vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống HNTT. Khi có yêu cầu thay đổi hoặc luân chuyển cán bộ làm nhiệm vụ khác cần kịp thời cử cán bộ thay thế và thông báo về Sở TTTT để có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng Hệ thống HNTT.

4. Hàng năm lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công được đầu tư, trang bị phục vụ hợp trực tuyến đúng theo quy định pháp luật.

5. Cung cấp số liệu báo cáo về tình hình tổ chức các cuộc hợp trực tuyến theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng có trách nhiệm đảm bảo chất lượng đường truyền phục vụ các cuộc hợp trực tuyến; xây dựng các phương án tối ưu dự phòng phân tải, ứng cứu các tình huống, sự cố bất thường; đảm bảo an toàn tuyệt đối thông tin thông suốt, không bị gián đoạn mất kết nối nhằm phục vụ Hệ thống HNTT vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả.

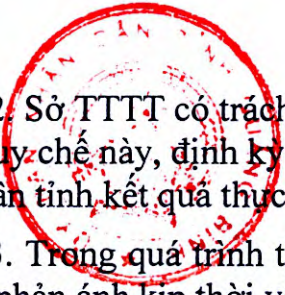
2. Công ty Điện lực Quảng Bình thực hiện cung cấp điện an toàn, ổn định phục vụ các cuộc hợp trực tuyến; kịp thời xử lý các tình huống sự cố hệ thống điện, đặc biệt là các địa điểm tổ chức hợp trực tuyến.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. 



2. Sở TTTT có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở TTTT để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

